

Số: 288 /QĐ-UBND

Nà Búng, ngày 21 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**V/v phê danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng
chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP
của Chính phủ, năm học 2025-2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ NÀ BÚNG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25/6/2025;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật
Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản
công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia,
Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;*

*Căn cứ Nghị định số 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ Quy
định chính sách cho trẻ em nhà trẻ, học sinh, học viên ở vùng đồng bào dân tộc
thiểu số và miền núi, vùng bãi ngang, ven biển và hải đảo và cơ sở giáo dục có trẻ
em nhà trẻ, học sinh hưởng chính sách;*

*Căn cứ Công văn số 2776/SGDDT- KHTC, ngày 15/9/2025 của Sở
Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn quy trình, thủ tục
xét, thẩm định, phê duyệt đối tượng và thực hiện chính sách đối với học
sinh, sinh viên năm học 2025-2026;*

*Căn cứ Tờ trình số 151/TT-VHXXH ngày 08/10/2025 của Phòng Văn hóa -
Xã hội về việc đề nghị phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán
trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính
phủ, năm học 2025-2026, Thông báo số: 55/TB-KT ngày 09/10/2025 của Phòng
Kinh Tế kết quả thẩm định danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú
được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính
phủ, năm học 2025-2026.*

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế xã.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách trẻ em nhà trẻ bán trú, học sinh bán trú được hưởng chính sách hỗ trợ theo Nghị định số 66/2025/NĐ-CP của Chính phủ, năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

(Có danh sách các trường kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa - Xã hội chủ trì, phối hợp với Phòng Kinh tế, các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ tổ chức nấu

ăn cho các trường mầm non và thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng các phòng: Kinh tế, Văn hóa - Xã hội; Giám đốc KBNN khu vực X-PGD số 3; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Đảng ủy (b/c);
- Lãnh đạo HĐND xã (b/c);
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu: VT, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Tiếp

TỔNG HỢP SỐ LƯỢNG HỌC SINH ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 66/2025/NĐ-CP CỦA CHÍNH PHỦ

NĂM HỌC 2025-2026

(Xem theo Quyết định số: 288 /QĐ-UBND ngày 21 /10/2025 của UBND xã Nà Bùng)



ST T	Tên trường	trả học sinh bán trú	Hỗ trợ tiền ăn (đồng)				Hỗ trợ tiền nhà ở (đồng)				Hỗ trợ gạo (kg)			
			Số học sinh	Số tiền hỗ trợ/HS/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	Số học sinh	Số tiền hỗ trợ/HS/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số tiền hỗ trợ	Số học sinh	Số gạo hỗ trợ/HS/ tháng	Số tháng hỗ trợ	Tổng số gạo hỗ trợ
1	Trường MN Nà Bùng	228	228	360.000	9	738.720.000				-				-
2	Trường MN Vàng Đán	144	144	360.000	9	466.560.000				-				-
3	Trường PTDTBT TH Nà Bùng	607	490	936.000	9	4.127.760.000	166	360.000	9	537.840.000	490	15	9	66.150
			117	936.000	10	1.095.120.000	84	360.000	10	302.400.000	117	15	10	17.550
4	Trường PTDTBT THCS Nà Bùng	332	332	936.000	9	2.796.768.000				-	332	15	9	44.820
5	Trường PTDTBT TH-THCS Vàng Đán	815	743	936.000	9	6.259.032.000				-	743	15	9	100.305
			72	936.000	10	673.920.000				-	72	15	10	10.800
Tổng cộng		2.126	2.126			16.157.880.000	250			840.240.000	1.754			239.625

(**Ghi chú:** Các trường hợp học sinh được hỗ trợ 10 tháng/năm học, là những học sinh lớp 1 học tăng cường tiếng Việt cho trẻ em người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một)